TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Vui;

2. Bà Lê Thị Phương Dung.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 340/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Bích L, sinh năm 1975; hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã Đ, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1972; hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã Đ, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà L và bị đơn ông T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn ngày 25/5/2018, bản tự khai, biên bản làm việc, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (bà L) trình bày*:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà L và ông T chung sống với nhau từ năm 1990, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương vào ngày 18/10/1996. Trong quá trình chung

sống, thời gian đầu thì vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau này thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là ông T không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu và kiếm chuyện chửi mắng bà L với những lời rất thô tục. Ông T còn dùng bạo lực đối với bà L và đập phá đồ đạc trong nhà. Bà L đã cố chịu đựng nhiều năm nay mong ông T thay đổi để vợ chồng sống hòa thuận và chăm lo cho gia đình, nhưng ông T vẫn không thay đổi. Hiện nay, bà L thấy rằng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông T.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống, bà L với ông T có 02 con chung tên Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1991 và Nguyễn Thanh N, sinh năm 1996. Hiện các con chung đã trưởng thành nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn bà L cung cấp: đơn khởi kiện ngày 25/5/2018 của bà L; bản sao giấy CMND và sổ hộ khẩu của bà L; bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; bản tự khai ngày 25/5/2018. Ngoài ra, bà L không cung cấp chứng cứ hay ý kiến gì khác.

**** Tại bản tự khai ngày 07/6/2018, biên bản làm việc, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa bị đơn (ông T) trình bày*:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông T hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của L về quan hệ hôn nhân. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, ông T thừa nhận có uống rượu và có to tiếng chửi bà L. Tuy nhiên, ông T xác định hiện tại đã giảm bớt nhiều và vẫn còn yêu thương vợ con. Hiện, bà L với ông T đã có cháu ngoại, ông T muốn bà L cho một cơ hội để sửa đổi nên không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống, ông T với bà L có 02 con chung tên Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1991 và Nguyễn Thanh N, sinh năm 1996. Hiện các con chung đã trưởng thành nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Ông T không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Chứng cứ bị đơn ông T cung cấp: Bản tự khai ngày 07/6/2018. Ngoài ra, ông T không cung cấp chứng cứ cũng như ý kiến gì khác.

**** Xác minh và làm việc của Tòa án:***

TAND huyện Dầu Tiếng đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú về sự mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L với ông T, đã xác định được: Trong cuộc sống vợ chồng, ông T là người thường xuyên uống rượu, sau đó gây chuyện chửi bới bà L, nhiều lần ông T còn có hành vi bạo lực đánh đập bà L. Hiện tại, bà L không còn chung sống với ông T nữa mà chuyển sang thuê nhà khác sinh sống.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng (ông Thịnh) có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa , Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tống đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên nguyên đơn bà L và bị đơn ông T có mặt. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng . Quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn . Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L đối với ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà L và bị đơn ông T đều có mặt, đã đảm bảo việc tham gia tố tụng của các bên đương sự.

[2] Theo đơn xin ly hôn ngày 25/5/2018, bà L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T. Ông T không đồng ý ly hôn và xác định vợ chồng không có mâu thuẫn lớn, ông T vẫn chăm lo cho gia đình. Các bên đương sự có hộ khẩu thường trú và nơi cứ trú tại Ấp H, xã Đ, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của TAND huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà L: Bà L với ông T chung sống với nhau từ năm 1990, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương vào ngày 18/10/1996. Hôn nhân giữa bà L với ông T là sự tự nguyện giữa hai bên và thực hiện đúng thủ tục quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, bà L với ông T thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do ông T thường xuyên uống rượu, chửi bới và đánh đập bà L. Bà L xác định vợ chồng đã có quá nhiều mâu thuẫn nên không còn tình cảm vợ chồng với ông T nên yêu cầu ly hôn để không làm khổ cho cả hai. Ngược lại, ông T xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn, muốn đoàn tựu để lo cho con cháu nên không đồng ý ly hôn. Kết quả xác minh thu thập chứng cứ tại nơi cư trú thì lời trình bày của bà L là phù hợp. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng bà L với ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân thì không có lợi gì cho cả hai. Do đó, cần áp dụng các quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết việc xin ly hôn của bà L với ông T là phù hợp quy định pháp luật.

[4] Bà L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa cũng như ý kiến đề xuất hướng giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 19, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Ngô Bích L đối với ông Nguyễn Chí T, xử lý cụ thể như sau:

Bà Ngô Bích L được ly hôn đối với ông Nguyễn Chí T.

2. Bà Ngô Bích L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Ngô Bích L phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0011881 ngày 25/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 11.7.2018)./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã Đ, huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Đồng

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 11 tháng 7 năm 2018.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Vương Thị Vui;

2/ Bà Lê Thị Phương Dung.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 340/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2018 về "tranh chấp ly hôn" giữa:

-*Nguyên đơn*: Bà Ngô Bích L, sinh năm 1975; hộ khẩu thường trú: Ấp Hiệp Phước, xã Đ, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1972; hộ khẩu thường trú: Ấp Hiệp Phước, xã Đ, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

I/ **Quan hệ pháp luật**:

Thống nhất là vụ kiện "tranh chấp ly hôn".

Kết quả biểu quyết: **3/3** đồng ý.

II/ **Áp dụng pháp luật**:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 19, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: **3/3** đồng ý.

III/ **Nội dung quyết định**:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Ngô Bích L đối với ông Nguyễn Chí T, xử lý cụ thể như sau:

Bà Ngô Bích L được ly hôn đối với ông Nguyễn Chí T.

2. Bà Ngô Bích L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Ngô Bích L phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo

biên lai thu số AA/2016/0011881 ngày 25/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 11.7.2018).

Kết quả biểu quyết: **3/3** đồng ý.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 11 tháng 7 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả T viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây./.

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Vui **Lê Thị Phương Dung** **Phạm Minh Đồng**